

Số: 01/2025/QĐCNHGT-DS

Thanh Sơn, ngày 26 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của ông Nguyễn Huy Đ
và bà Nguyễn Thị C.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện Dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đề ngày 15 tháng 01 năm 2025 của ông Nguyễn Huy Đ.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện*: **Ông Nguyễn Huy Đ**, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Số nhà 152, phố Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, Phú

Thọ;

- *Người Bị kiện*: **Bà Nguyễn Thị C**, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: khu G, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 3 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 3 năm 2025, cụ thể như sau:

- Ngày 01/7/2021, bà Nguyễn Thị C đã vay của ông Nguyễn Huy Đ số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng), không thỏa thuận lãi, thời hạn trả là 03 (ba) tháng kể từ ngày vay (có Giấy vay tiền). Bà C chưa trả được nợ theo như đã thỏa thuận cho ông Đ.

- Bà C và ông Đ thống nhất thỏa thuận như sau: Bà C có trách nhiệm trả cho

ông Đ, tiền nợ gốc là 66.000.000 đồng và tiền lãi do chậm nghĩa vụ trả nợ với mức lãi 10%/1 năm/ 66.000.000 đồng x 3 năm (từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2025 làm tròn là 03 năm) = 20.000.000 đồng (làm tròn). Tổng số tiền gốc và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ bà C phải trả cho ông Đ là 86.000.000 đồng (T mươi sáu triệu đồng).

- Về phương án trả nợ: Bà C có trách nhiệm trả dần hàng tháng cho ông Đ, mỗi tháng bà C trả cho ông Đ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng), tháng cuối trả số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Thời hạn trả bắt đầu từ tháng 3/2025, cho đến khi trả hết nợ. Thời gian trả là vào ngày 25 hàng tháng.

Trong trường hợp bà C vi phạm một lần (01 tháng) nghĩa vụ trả nợ, thì ông Đ có quyền chấm dứt thỏa thuận trả hàng tháng và yêu cầu bà C phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Ông Đ không yêu cầu bà C phải có trách nhiệm trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Thanh Sơn;
- Cơ quan THADS huyện Thanh Sơn;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).

(3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được

đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH T1).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.